

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1114/TTr-SNV ngày 04/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung có liên quan tại Công văn số 1103/UBND-TH ngày 24/01/2025 và Công văn số 2356/UBND-TH ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực XXIV, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIII;
- UBND các H, TX, TP (VBĐT);
- TT Công báo & Công TTĐT;
- Lưu: VT, HP, HgP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

QUY TRÌNH

GIẢI QUYẾT NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(ban hành kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 18/4/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

B. NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Quy định chính sách, chế độ gồm: Chính sách, chế độ đối với người nghỉ việc (nghỉ hưu và nghỉ thôi việc) trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ,

công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

1. Cơ quan của Nhà nước ở cấp tỉnh, ở cấp huyện.
2. Các tổ chức hành chính của cơ quan, tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức.
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện và các tổ chức hành chính của cơ quan, tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện) trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng viên chức.
4. Đơn vị sự nghiệp công lập khác còn lại (không thuộc quy định tại khoản 3 nêu trên) hoàn thành việc sắp xếp tổ chức trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.
5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.
6. Các hội do Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, ở cấp huyện thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Mục I Phần B chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp (*sau đây viết tắt là sắp xếp tổ chức bộ máy*), bao gồm:

- a) Công chức, viên chức không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý;
- b) Cán bộ, công chức cấp xã;
- c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức (*sau đây viết tắt là người lao động*);
- d) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Mục I Phần B, có nguyện vọng nghỉ việc để tạo điều kiện thuận lợi trong việc sắp xếp số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 còn đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Mục I Phần B không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng

phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

4. Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 05 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 05 năm (60 tháng) trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Lưu ý: yếu tố “chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, tổ chức bộ máy” đối với một số “đối tượng áp dụng” nêu trên tại Quy trình này được hiểu là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người làm việc trong chỉ tiêu biên chế các Hội công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, phòng ban, bộ phận trực tiếp bị sắp xếp, hợp nhất thuộc/trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải sắp xếp theo chủ trương, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc diện phải sắp xếp nhưng chủ động tự sắp xếp, tinh gọn bộ máy bên trong (*Đơn cử: cơ quan A (5 phòng) và cơ quan B (7 phòng) thuộc diện phải sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; sau khi hợp nhất cả 02 cơ quan trở thành cơ quan C (10 phòng - do thành lập 02 phòng mới trên cơ sở gộp 02 phòng từ cơ quan A và 02 phòng từ cơ quan B); trong trường hợp, yếu tố “chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, tổ chức bộ máy” được hiểu là chỉ áp dụng đối với công chức công tác tại 02 phòng từ cơ quan A và 02 phòng từ cơ quan B đã gộp để xem xét, đề nghị giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP*).

C. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ NGHỈ VIỆC (NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THỜI VIỆC)

I. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

Bước 1: Phòng, ban, bộ phận làm công tác cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, lập danh sách và tổng hợp hồ sơ báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo và cấp ủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (bằng hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản

lý, để xác định đối tượng nghi việc cụ thể theo Mục II Phần B.

Bước 2: Sau khi thực hiện Bước 1 nêu trên, nếu có đối tượng thì **Chậm nhất ngày 07 tháng trước liền kề thời điểm đề nghị giải quyết chính sách, chế độ:** Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp chủ động ban hành Văn bản báo cáo về dự kiến Danh sách đối tượng và Dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ và Sở Tài chính*) để tổng hợp, thẩm định, tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ.

Bước 3: **Chậm nhất ngày 22 tháng trước liền kề thời điểm đề nghị giải quyết chính sách, chế độ:** Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đề rà soát, thẩm định, tổng hợp Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

Bước 4: **Chậm nhất sau 05 ngày làm việc sau khi nhận được Tờ trình của Sở Nội vụ:** Văn phòng UBND tỉnh thẩm định, tham mưu xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc (*Quyết định phê duyệt được ban hành gửi về Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan để thực hiện các bước tiếp theo*).

Bước 5: **Chậm nhất sau 07 ngày làm việc sau khi nhận được Quyết định phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Sở Nội vụ khẩn trương rà soát các thông tin liên quan đến các trường hợp đã được phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc và gửi Sở Tài chính để nghiên cứu, chủ trì thực hiện việc thẩm định, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền các nội dung có liên quan về kinh phí thực hiện theo quy định.

Bước 6: **Chậm nhất sau 15 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản của Sở Nội vụ:** Sở Tài chính khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung liên quan đến kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo quy định.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

- Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; phát huy tinh thần vì lợi ích chung để thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện chính sách đúng mục tiêu, tạo điều kiện thuận lợi trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; giữ lại được người có trình độ, năng lực, có tài năng, thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ; kịp thời giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người

lao động, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tập thể lãnh đạo và cấp ủy cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền phân cấp quản lý chịu trách nhiệm đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng đề nghị nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc) theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP do sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Chủ động rà soát, xác định dự kiến Danh sách đối tượng đề nghị giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

Định kỳ hàng tháng, lập dự kiến Danh sách đối tượng, dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, đúng đắn và lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện việc chi trả chính sách, chế độ theo quy định đối với các trường hợp được phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo thẩm quyền, đúng quy định – **Lưu ý:** cần quan tâm thực hiện, hoàn thành việc bàn giao công việc, các hồ sơ, tài liệu liên quan mà các trường hợp này đang được phân công phụ trách.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ NỘI VỤ

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung triển khai thực hiện tại Quy trình này.

Lưu ý: khẩn trương triển khai văn bản hướng dẫn chi tiết các nội dung có liên quan (nội dung văn bản đề nghị, thành phần hồ sơ cụ thể, biểu mẫu, biểu đơn, các lưu ý khác (nếu cần),...) để thực hiện cho thống nhất, hiệu quả, tránh sai sót.

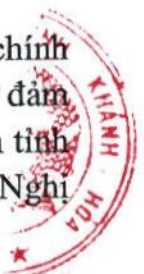
- Chủ trì, phối hợp thẩm định Danh sách đối tượng thực hiện giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Thẩm tra độc lập đối với đề nghị của Sở Nội vụ về dự kiến Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc;

Trường hợp có vướng mắc phát sinh liên quan việc xác định đối tượng áp dụng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-



CP thì tách riêng các trường hợp này, đề xuất biện pháp xử lý; và tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc (*đối với những trường hợp đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn và thuộc đối tượng áp dụng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP*) đảm bảo kịp thời.

- Kịp thời ban hành, gửi các Quyết định phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đến Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan để thực hiện các bước tiếp theo.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đề nghị của Sở Tài chính về dự kiến kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với các trường hợp đã được phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ TÀI CHÍNH

- Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; các nội dung phối hợp của Sở Nội vụ để chủ trì thực hiện việc thẩm định hồ sơ, tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan cung cấp để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn có liên quan và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách, chế độ (bao gồm số đối tượng và số tiền trợ cấp cho từng đối tượng), dự kiến kế hoạch thực hiện chính sách, chế độ năm sau liền kề, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ để tổng hợp chung vào nhu cầu cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách nhà nước của năm sau liền kề.

IV. GIAO BẢO HIỂM XÃ HỘI KHU VỰC XXIV

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội có liên quan đối với các trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh tình đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ đối với nội dung liên quan đến Đối tượng hoặc qua Sở Tài chính đối với nội dung liên quan Kinh phí*) để xem xét, hướng dẫn giải quyết./.